

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính mở rộng thị xã Nghĩa Lộ:

Huyện Văn Chấn còn lại 120.517,50 ha diện tích tự nhiên và 137.953 nhân khẩu; có 31 đơn vị hành chính trực thuộc gồm các xã Tân Thịnh, Đại Lịch, Minh An, Chấn Thịnh, Bình Thuận, Thạch Lương, Nghĩa Tâm, Thượng Bằng La, Thanh Lương, Cát Thịnh, Suối Bu, Đồng Khê, Sơn Thịnh, Suối Giàng, Phù Nham, Hạnh Sơn, Phúc Sơn, Suối Quyền Sơn A, An Lương, Sơn Lương, Nậm Búng, Sùng Đô, Nậm Mười, Nậm Lành, Gia Hội, Tú Lệ, Nghĩa Sơn và các thị trấn nông trường Trần Phú, Liên Sơn, Nghĩa Lộ.

2. Điều chỉnh 850 ha diện tích tự nhiên và 1.558 nhân khẩu của xã Yên Thắng thuộc huyện Lục Yên về thị trấn Yên Thế quản lý.

Thị trấn Yên Thế có 1.507 ha diện tích tự nhiên và 8.229 nhân khẩu.

Địa giới hành chính thị trấn Yên Thế: Đông giáp xã Liễu Đô; Tây giáp xã Tân Lĩnh; Nam giáp các xã Tân Lập, Liễu Đô; Bắc giáp các xã Yên Thắng, Minh Xuân.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính mở rộng thị trấn Yên Thế, xã Yên Thắng còn lại 1.548 ha diện tích tự nhiên và 4.274 nhân khẩu.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Mọi quy định trước đây trái Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân

tỉnh Yên Bái, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số **268/2003/QĐ-TTg** ngày **22/12/2003** về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số **246/1998/QĐ-TTg** ngày **22/12/1998** của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đặc thù đối với phi công quân sự, thành viên trong tổ bay và các đối tượng trực tiếp phục vụ bay tại các sân bay quân sự thuộc Bộ Quốc phòng.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 246/1998/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đặc thù đối với phi công quân sự, thành viên trong tổ bay và các đối tượng trực tiếp phục vụ bay tại các sân bay quân sự thuộc Bộ Quốc phòng như sau:

1. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 1 như sau:

"2. Phụ cấp giờ bay:

a) Phi công và giáo viên huấn luyện bay:

- Phụ cấp mức từ 0,2 so với mức lương tối thiểu tháng/giờ đến mức 1,0 so với mức lương tối thiểu tháng/giờ khi bay trên đất liền, tùy theo điều kiện khí tượng, ngày, đêm, loại máy bay.

- Phụ cấp mức từ 0,5 so với mức lương tối thiểu tháng/giờ đến mức 1,2 so với mức lương tối thiểu tháng/giờ khi bay trên biển, tùy theo điều kiện khí tượng, ngày, đêm, loại máy bay.

- Phụ cấp mức 0,5 so với mức lương tối thiểu tháng/giờ khi bay chuyên cơ A.

- Phụ cấp mức 0,3 so với mức lương tối thiểu tháng/giờ khi bay chuyên cơ B".

2. Sửa đổi khoản 3 Điều 1 như sau:

"3. Phụ cấp bay thử: Mức từ 1,0 so với mức lương tối thiểu tháng/chuyến/người đến mức 1,4 so với mức lương tối thiểu

tháng/chuyến/người tùy theo mức độ sửa chữa và loại máy bay đối với phi công và các thành viên của tổ bay quân sự".

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

"Điều 4.

1. Phi công và các thành viên trong tổ bay quân sự mắc bệnh được áp dụng thực hiện chế độ bệnh binh theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Nghị định số 28/CP ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Chính phủ.

2. Phi công và các thành viên trong tổ bay quân sự khi thôi bay được bố trí công việc phù hợp; được trợ cấp một lần như sau:

a) Phi công máy bay tiêm kích, tiêm kích bom và giáo viên huấn luyện bay cứ mỗi năm làm nhiệm vụ bay được tính bằng 02 tháng lương tối thiểu theo quy định của Chính phủ.

b) Phi công và các thành viên khác của tổ bay cánh quạt vận tải, trực thăng, cứ mỗi năm làm nhiệm vụ bay được tính bằng 01 tháng lương tối thiểu theo quy định của Chính phủ".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ

quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ số 29/2003/CT-TTg ngày 23/12/2003 về chấn chỉnh quản lý đầu tư và xây dựng bằng nguồn vốn nhà nước.

Thời gian qua, nguồn vốn đầu tư nhà nước (bao gồm vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng đầu tư phát triển nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước) ngày càng tăng cao, cùng với các nguồn vốn khác và những nỗ lực cố gắng trong quản lý đầu tư và xây dựng của Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp đã tạo nên sự chuyển biến quan trọng hạ tầng kinh tế - xã hội, thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng năng lực của nhiều ngành kinh tế và cải thiện rõ nét văn minh đô thị ở nhiều thành phố, thị xã, khu tập trung dân cư.

Tuy nhiên, công tác quản lý đầu tư và xây dựng nói chung, trong đó đặc biệt là quản lý đầu tư và xây dựng dự án, công

trình bằng nguồn vốn nhà nước còn nhiều yếu kém, thiếu sót đã dẫn đến tình trạng đầu tư dàn trải, kéo dài và kém hiệu quả, nợ đọng trong đầu tư tăng cao, trở thành vấn đề nổi cộm và bức xúc hiện nay; các hiện tượng tiêu cực còn khá phổ biến trong đầu tư xây dựng làm ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng công trình, gây thất thoát, lãng phí lớn đang là vấn đề quan tâm sâu sắc trong xã hội.

Để chấn chỉnh tình hình này, tạo chuyển biến mới về nâng cao hiệu quả và chất lượng đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2004, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (dưới đây gọi chung là Bộ), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi chung là tỉnh), các Tổng công ty 91 triển khai thực hiện ngay một số công việc sau đây:

1. Các Bộ và tỉnh khẩn trương phân bổ vốn đầu tư và giao cho cơ sở thực hiện theo các nguyên tắc:

- Các dự án được ghi vốn đầu tư trong kế hoạch năm 2004 phải tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng theo các Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999; số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000; số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 1999; số 14/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5